TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 7 năm 2024 về Vệc
"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Xuân Tơn

- Bà Lê Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát Vên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về Vệc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Chị Hà Thị T; Sinh năm: 1988.

2. Bị đơn: - Anh Đỗ Văn G; Sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn Thống Nhất 2, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Đỗ Văn G chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 28/01/2008. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là anh G thường xuyên chơi bời không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình và thường xuyên bạo lực gia đình

dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị T, anh G người nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Văn G.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Tường V, sinh ngày 16/12/2011 và cháu Đỗ Văn H, sinh ngày 08/10/2013. Hiện nay hai cháu V và H đang ở cùng chị T ổn định, để không xáo trộn Vệc sinh hoạt và học tập của hai con nên khi ly hôn chị T đề nghị giải quyết G cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, chị T yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/1 tháng/1cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và các văn bản, quyết định tố tụng cho anh Đỗ Văn G nhưng anh G không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra Vệc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Vện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm Vệc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Đỗ Văn G. Đây là tranh chấp về

hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Đỗ Văn G có nơi cư trú tại thôn Thống Nhất 2, xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị T.

Bị đơn anh Đỗ Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh G.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Hà Thị T và bị đơn anh Đỗ Văn G chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28/01/2008 tại UBND xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là anh G thường xuyên chơi bời không chăm lo làm ăn, không quan tâm gia đình và thường xuyên bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh G không còn, mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ thời điểm tháng 4/2022, chị T và anh G đã sông ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm tới nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra Vệc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp, chứng tỏ anh G cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị T xét thấy tình cảm giữa chị và anh G không còn nên chị T tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Quá trình thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Anh G và chị T trong thời gian sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh G là có căn cứ.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T và anh G có hai con chung là Đỗ Tường V, sinh ngày 16/12/2011 và Đỗ Văn H, sinh ngày 08/10/2013. Xét thấy kể từ khi chị T và anh G sống ly thân cho đến nay cháu V và H sống

cùng với chị T, chị T vẫn nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục hai cháu đảm bảo tốt về mọi mặt; Nguyện vọng của các cháu V và H là được ở với mẹ và cũng phù hợp với yêu cầu của chị T. Chị T đề nghị anh G cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/1 tháng/ 1 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi các con đến tuổi trưởng thành. Tòa án đã triệu tập anh G để lấy lời khai về Vệc tranh chấp nuôi con cũng như triệu tập anh G đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh G không có mặt và cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Yêu cầu của chị T và nguyện vọng của hai cháu V và H phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận theo yêu cầu của chị T.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị T và anh G có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T.

Chị Hà Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn G.

2. Về con chung: Chị T, anh G có hai con chung là Đỗ Tường V, sinh ngày 16/12/2011 và Đỗ Văn H, sinh ngày 08/10/2013. Khi ly hôn G cháu V và H cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/1 tháng/ 1 cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2024 đến khi cháu V và H đến tuổi trưởng thành. Anh G có quyền qua lại thăm nom các con không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Nguyên đơn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006356 ngày 03/4/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị T phải nộp, theo đó chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Anh Đỗ Văn G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị T, anh Đỗ Văn G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được G bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Long